TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 - 2024
"V*/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ma Ngọc Trung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lê Kiên
Ông Trần Ngọc Thuỷ

- **Thư ký phiên toà**: Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa**: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn có yếu tố nước ngoài*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST- HNGĐ ngày 21/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Văn Q**, sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Chung cư R, đường P, khi 16, thành phố K, tỉnh Selangor, M; *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Khu đất mới N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; *(Vắng mặt, không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn anh Phan Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 23/04/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Hai vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, có sự khác biệt nhau trong tính cách và lối sống sinh hoạt hằng ngày. Ngày qua ngày, các mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đỉnh điểm, đầu năm 2023, giữa vợ chồng dần có sự xa cách không ai còn quan tâm tới ai và sống ly thân từ đó cho tới nay. Tháng 09/2023, anh sang Malaysia sinh sống và làm việc. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, xong tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Việc giữ lại quan hệ hôn nhân này chỉ khiến anh cảm thấy thêm bế tắc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 (một) con chung là cháu Phan Nguyễn Bảo A, sinh ngày: 30/04/2020; giới tính: Nữ. Hiện nay, cháu Phan Nguyễn Bảo A đang sinh sống cùng mẹ - chị Nguyễn Thị L tại Việt Nam. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết về con chung như sau: Cháu Nguyễn Bảo A sẽ giao cho mẹ cháu – chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bố cháu là anh có quyền thăm nom, chăm sóc con theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Q kết hôn năm 2019 và được Ủy ban nhân dân xã xã T, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 23/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì anh Phan Văn Q có quan hệ bất chính với người con gái khác không quan tâm đến vợ con, khi chị phát

hiện ra anh Q có xin lỗi và hứa sẽ không bao giờ tái phạm, nhưng sau đó anh Q vẫn ngoại tình và để chị nuôi con một mình.

Trước yêu cầu ly hôn của anh Q chị đồng ý ly hôn. Nhưng với điều kiện anh Q phải trả cùng chị khoản tiền 90.000.000 đồng vay Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh T và 80.000.000 đồng anh Q vay bố mẹ chị đi nước ngoài.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Q có 01 con chung là cháu Phan Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/4/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Phan Nguyễn Bảo A vì cháu cũng ở với chị từ bé. Về cấp dưỡng hai vợ chồng tự thoả thuận

- Về tài sản chung: Như anh Q trình bày là không đúng. Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Q có xây một ngôi nhà cạnh nhà bố mẹ anh Q và một mảnh đất ruộng gần nhà đã xây mua của nhà cô Nghi S cùng địa chỉ xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị L không cung cấp được thông tin cụ thể thửa đất và tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung của hai vợ chồng.

- Về nợ chung: Chị L và anh Q có vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh T số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Và anh Q có vay của bố mẹ đẻ chị L 80.000.000 đồng để đi nước ngoài. Nhưng giấy tờ vay nợ hiện nay anh Q đã giữ hết, chị L không cung cấp được cho Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Toà án xem xét về tài sản chung và nợ chung của hai vợ chồng. Kèm theo đơn phản tố chị L không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về tài sản chung và nợ chung của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207; các Điều 238, 266, 271, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn Q, xử cho anh Phan Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai có quyền cản trở. Về cấp dưỡng hai vợ chồng tự thoả thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L có đơn phản tố đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết về tài sản chung và nợ chung giữa chị L và anh Phan Văn Q nhưng chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình nên không có cơ sở để thụ lý yêu cầu phản tố. Đề nghị Toà án không xem xét. Chị L có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Phan Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Phan Văn Q và bị đơn chị Nguyễn Thị L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phan Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nhưng hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Malaysia. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị L tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang ngày 23/4/2019 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc cho đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có sự khác nhau về lối sống và sinh hoạt hàng ngày. Chị L cho rằng anh Q ngoại tình với người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn đỉnh điểm đến

năm 2023 vợ chồng sống xa cách không ai quan tâm đến ai và sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 9/2023 anh Phan Văn Q sang Malaysia sinh sống và làm việc. Mâu thuẫn của hai vợ chồng không thể hoà giải, khoảng cách xa xôi, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh Phan Văn Q đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L nhất trí ly hôn với điều kiện anh Q phải trả cùng chị L khoản tiền 90.000.000 đồng vay Ngân hàng C ở Tuyên Quang và 80.000.000 đồng anh Q vay bố mẹ chị đi nước ngoài.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Văn Q, cho anh Phan Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung:

Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Phan Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/4/2020. Anh Q hiện tại đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên không thể chăm sóc trực tiếp cho cháu Phan Nguyễn Bảo A, cháu A là con gái và cũng đã ở với mẹ từ nhỏ nên giao cháu Phan Nguyễn Bảo A cho chị Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai có quyền cản trở. Về cấp dưỡng hai vợ chồng tự thoả thuận nên Toà án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Phan Văn Q trình bày anh và chị Nguyễn Thị L không có tài sản chung. Chị Nguyễn Thị L cho rằng chị và anh Phan Văn Q có một ngôi nhà chung xây gần nhà bố mẹ anh Q và một mảnh ruộng gần nhà xây của anh chị tại xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang mua của ông bà Nghi S nhưng chị L không nêu rõ được diện tích, thửa đất, tờ bản đồ số bao nhiêu và cũng không cung cấp được cho Toà án tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, không có tài liệu chứng cứ chứng minh về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác khi có căn cứ.

[5] Về vay nợ chung: Anh Phan Văn Q trình bày anh và chị Nguyễn Thị L không có vay nợ chung. Chị Nguyễn Thị L lại cho rằng chị và anh Phan Văn Q có vay của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh T 90.000.000 đồng và anh Q có vay của bố mẹ đẻ chị 80.000.000 đồng để đi nước ngoài. Xét thấy, về vay nợ chung của hai vợ chồng chị L không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh về vay nợ chung của hai vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác khi có căn cứ.

Chị Nguyễn Thị L có yêu cầu phản tố đề nghị Toà án xem xét về phần tài sản chung và vay nợ chung của hai vợ chồng nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình nên không đủ điều kiện thụ lý. Chị L có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có căn cứ, yêu cầu đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

Anh Phan Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207; các Điều 238, 266, 271, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Văn Q, cho anh Phan Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 23/04/2019 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp).

2. Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Bảo A, sinh ngày 30/4/2020 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai có quyền cản trở. Anh Phan Văn Q và chị Nguyễn Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự tự thoả thuận.

3. Về tài sản chung, về vay nợ chung: Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí anh Q đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000006 ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Phan Văn Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Thái Long, Tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung